

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20 /2021/DS-ST

Ngày: 30/ 7/ 2021

V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Hoa

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Thúy Mai

2. Bà Dương Thị Hồng Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Đức Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Long – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2020/TLST- DS ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2021/QĐST-DS ngày 12/7/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V; Địa chỉ: Tầng 1,3,4,5,6 Tòa nhà Thaiholdings Tower, Số 210 đường K, Phường T, Quận K, thành phố Hà Nội; đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C– Giám đốc Ngân hàng TMCP V chi nhánh Quảng Bình; Người được ủy quyền lại: Ông Lê Vũ H – Tổ trưởng Tổ HTHĐ Ngân hàng TMCP V chi nhánh Quảng Bình; Địa chỉ: Số 06A, Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; Ông Lê Vũ H có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Minh L; sinh năm: 1980 và ông Võ Mạnh H, sinh năm: 1972; địa chỉ: Số nhà 27 đường H, Tổ dân phố 1, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; Bà Lê Thị Minh L và ông Võ Mạnh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn, Ngân hàng TMCP V; trong đơn khởi kiện và trong các văn bản tố tụng trình bày:

Ngày 12/7/2016 Ngân hàng TMCP V chi nhánh Quảng Bình đã ký Hợp đồng tín dụng số 383/2016/HĐTD.450 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm KUNN số 383/2016/KUNN.450 với bà Lê Thị Minh L và ông Võ Mạnh H. Tổng số tiền cấp tín dụng cho bà Lê Thị Minh L và ông Võ Mạnh H là 280.000.000 đồng. Bên vay sử dụng số vốn vay vào mục đích mua sắm đồ gia dụng. Thời hạn cho vay là 60 tháng. Lãi suất và phương thức áp dụng lãi suất: 11%/năm trong 3 tháng đầu tiên kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận nợ. Sau thời gian trên áp dụng lãi suất thả nổi và điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Lãi suất thả nổi – là lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo quy định của Ngân hàng. Nếu bên vay chậm trả gốc và /hoặc lãi, thì phải trả lãi tiền vay cho Ngân hàng như sau: Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Do không trả được nợ theo cam kết nên khoản vay của bà L, ông H đã bị chuyển nợ quá hạn kể từ thời điểm tháng 01/2020. Để thu hồi nợ vay, Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Minh L và ông Võ Mạnh H phải thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/11/2020 theo hợp đồng tín dụng là: 70.474.575 VNĐ, trong đó: Dư nợ gốc còn lại: 65.180.000VNĐ; Nợ lãi quá hạn: 3.733.573 VNĐ; Lãi phạt (Phạt gốc + phạt lãi): 1.561.002 VNĐ.

\* Ý kiến bị đơn bà Lê Thị Minh L tại bản tự khai ngày 18/6/2021: Vợ chồng tôi Lê Thị Minh L và Võ Mạnh H đã nhận được các giấy thụ lý vụ án và giấy triệu tập cùng các giấy tờ khác về việc Ngân hàng TMCP V khởi kiện vợ chồng tôi đối với khoản nợ vay tín dụng. Chúng tôi thừa nhận tổng số tiền gốc và lãi còn nợ ngân hàng tạm tính đến ngày 01/3/2021 là nợ gốc: 46.598.372 đồng; lãi trên nợ gốc: 2.772.889 đồng; lãi trên nợ gốc quá hạn: 973.905 đồng. Tổng số tiền là: 50.345.166 đồng. Chúng tôi thừa nhận số nợ trên và cam kết sẽ trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng số 383/2016/HĐTD.450 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm KUNN số 383/2016/KUNN.450. Mục đích vay tín dụng để mua sắm đồ phục vụ gia đình. Vì hoàn cảnh làm ăn chúng tôi đang gặp khó khăn nên đề nghị ngân hàng gia hạn cho vợ chồng tôi đến hết 2022 chúng tôi sẽ trả cả gốc và lãi cho ngân hàng. Chồng tôi ông Võ Mạnh H vì bận công việc nên không đến Tòa án làm bản tự khai được. Ông H đã biết vụ kiện trên và hoàn toàn nhất trí như ý kiến trình bày của tôi ở trên. Hiện tại tôi đang công tác và làm việc tại khoa mắt Bệnh viện Việt Nam cu ba H. Đề nghị Ngân hàng chấp thuận và chúng tôi cam kết sẽ trả nợ sớm nhất có thể.

Tại phiên tòa đại diện Nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn phải trả tổng dư nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng tạm tính đến hết ngày 30/7/2021 tổng số tiền là 52.801.948 đồng trong đó nợ gốc 46.598.372 đồng, lãi trên nợ gốc trong hạn 2.938.528 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn 3.265.048 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính

lãi phát sinh trên số dư nợ gốc thực tế theo lãi suất tại Hợp đồng tín dụng số 383/2016/HĐTD.450 ngày 12/7/2016 mà hai bên đã ký kết cho đến khi bà L, ông H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V. Đối với ý kiến của bị đơn tại bản tự khai ngày 18/6/2021 đề nghị ngân hàng gia hạn cho bị đơn đến hết 2022 bị đơn sẽ trả cả gốc và lãi cho ngân hàng thì phía Ngân hàng không nhất trí vì thực tế bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP V từ tháng 01 năm 2020 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Bị đơn - do không có mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu ý kiến như sau: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua xét hỏi tại phiên tòa đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả các khoản nợ gốc, lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi trên nợ gốc quá hạn theo nội dung của hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng TMCP V và tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh theo lãi suất tại hợp đồng cho đến khi trả hết nợ gốc. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án buộc bà L, ông H phải thanh toán ngay cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và bà L, ông H. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, phát sinh giữa nguyên đơn Ngân hàng là Tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh, bị đơn bà L, ông H không có đăng ký kinh doanh, trong hợp đồng tín dụng thể hiện bà L, ông H cư trú tại Tổ dân phố 1, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình và hiện nay bà L, ông H vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú theo địa chỉ trên và chưa cắt chuyển hộ khẩu đi đâu theo xác nhận của Công an thành phố Đồng Hới tại Văn bản 673/CAĐH- QLHC ngày 15/3/2021 về việc phối hợp trao đổi thông tin của công dân. Căn cứ theo quy định của khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 thì “Thời hiệu khởi kiện ... tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Tháng 01 năm 2020, bà L, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP V và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng 383/2016/HĐTD.450 ngày 12/7/2016. Do đó, ngày 04/12/2020 Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền nợ thì thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng vẫn còn thời hiệu.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập làm việc, hòa giải nhưng bà L chỉ đến Tòa án làm bản tự khai ngày 18/6/2021, sau đó bà L và ông H cũng không đến Tòa án để làm việc theo các phiên hòa giải cũng như phiên tòa mặc dù đã được tổng đạt trực tiếp, đầy đủ các văn bản tố tụng. Do đó vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được. Ngày 18/6/2021 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2021/QĐXXST-DS, mở phiên tòa vào ngày 12/7/2021, sau đó đã tổng đạt trực tiếp Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho bị đơn; Nhưng Bị đơn bà L, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ nhất nên HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2021/QĐST-DS ngày 12/7/2021 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 30/7/2021 theo đúng quy định tại Điều 227, 233, 235 BLTTDS đồng thời tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nói trên cho bị đơn nhưng bị đơn bà L, ông H vẫn không có mặt tại phiên tòa lần thứ hai. HĐXX căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Lê Thị Minh L và ông Võ Mạnh H.

## **[2] Về nội dung:**

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu phía bị đơn bà Lê Thị Minh L và ông Võ Mạnh H phải trả theo Hợp đồng tín dụng số 383/2016/HĐTD.450 ngày 12/7/2016 tạm tính đến hết ngày 30/7/2021 tổng số tiền là 52.801.948 đồng trong đó nợ gốc 46.598.372 đồng, lãi trên nợ gốc trong hạn 2.938.528 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn 3.265.048 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh trên số dư nợ gốc thực tế theo lãi suất tại Hợp đồng tín dụng số 383/2016/HĐTD.450 ngày 12/7/2016 mà hai bên đã ký kết cho đến khi bà L, ông H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Hội đồng xét xử thấy: Phía Ngân hàng và bị đơn có ký kết hợp đồng tín dụng số 383/2016/HĐTD.450 ngày 12/7/2016 đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng do tổ chức hoạt động tín dụng và người có năng lực hành vi dân sự ký kết; về hình thức, nội dung tuân theo các quy định tại Điều 385, 386, 388, 398, 399, 400, 401, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật tổ chức tín dụng 2010, Hợp đồng ký kết có hiệu lực đã được hai bên thực hiện, bị đơn - bà Lê Thị Minh L và ông Võ Mạnh H đã nhận được số tiền vay vốn do

phía Ngân hàng giải ngân. Xét hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Theo bảng kê chi tiết lịch sử khoản vay do Ngân hàng cung cấp thì trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thực hiện được một phần nội dung hợp đồng tín dụng (đã trả số tiền gốc của khoản vay là 233.401.628 đồng) nhưng đến tháng 01/2020 bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng ngày 12/7/2016 và tiếp theo đó bị đơn đã vi phạm nhiều kỳ trả nợ gốc và lãi như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết. Đến tháng 01 năm 2020 toàn bộ dư nợ chuyển sang nợ quá hạn, theo Hợp đồng tín dụng số 383/2016/HĐTD.450 ngày 12/7/2016 tạm tính đến hết ngày 30/7/2021 tổng số tiền là 52.801.948 đồng trong đó nợ gốc 46.598.372 đồng, lãi trên nợ gốc trong hạn 2.938.528 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn 3.265.048 đồng.

Trước khi khởi kiện, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn yêu cầu bị đơn trả nợ và tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà còn trốn tránh việc trả nợ, bị đơn đã vi phạm Hợp đồng đã ký kết. Nay Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 30/7/2021 tổng số tiền là 52.801.948 đồng trong đó nợ gốc 46.598.372 đồng, lãi trên nợ gốc trong hạn 2.938.528 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn 3.265.048 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 383/2016/HĐTD.450 ngày 12/7/2016.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà L có mặt làm bản tự khai đã thừa nhận ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V đúng như nội dung Ngân hàng khởi kiện. Bị đơn thừa nhận số nợ trên và mục đích vay tiền để mua sắm nội thất gia đình. Đối với ý kiến của bị đơn tại bản tự khai ngày 18/6/2021 đề nghị xin gia hạn trả nợ cho Ngân hàng từ nay đến hết năm 2022 đến khi hết nợ thì phía Ngân hàng không nhất trí vì thực tế bà L, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP V từ tháng 01 năm 2020 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Cần xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà L, ông H, mục đích vay vốn ngân hàng để phục vụ cuộc sống chung, đầu tư phát triển kinh tế gia đình; Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng căn cứ vào hợp đồng nêu trên cùng sự thừa nhận của đương sự có đủ cơ sở buộc bà L, ông H có trách nhiệm liên đới phải trả số nợ gốc và lãi trên cho Ngân hàng là đúng quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ký giữa bà L, ông H với Ngân hàng TMCP V cho đến ngày bà L, ông H trả nợ xong cho Ngân hàng TMCP V.

### **[3] Về án phí:**

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị Minh L và ông Võ Mạnh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% giá trị tài sản có tranh chấp là 52.801.948 đồng  $\times 5\% = 2.640.000$  đồng để sung quỹ nhà nước.

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí 1.762.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/ 0001799 ngày 18/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

**[4]** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Điều 35; Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (2015);

- Áp dụng các Điều 116, 119, 385, 398, 401, 466 Bộ luật dân sự (2015);

- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

### **Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V:

1.1 Buộc bà Lê Thị Minh L và ông Võ Mạnh H phải trả cho Ngân hàng TMCP V tính đến hết ngày 30/7/2021 tổng số tiền là 52.801.948 đồng (Bằng chữ: Năm mươi hai triệu, tám trăm linh một nghìn, chín trăm bốn mươi tám đồng) trong đó dư nợ gốc là: 46.598.372 đồng; lãi trên nợ gốc trong hạn: 2.938.528 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn: 3.265.048 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 383/2016/HĐTD.450 ngày 12/7/2016.

1.2 Từ ngày 31/7/2021 cho đến khi trả hết tiền gốc, hàng tháng bà Lê Thị Minh L và ông Võ Mạnh H còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh từ số tiền gốc chưa trả theo mức lãi suất tại hợp đồng tín dụng số 383/2016/HĐTD.450 ngày 12/7/2016.

**2.** Án phí:

2.1 Bị đơn - bà Lê Thị Minh L và ông Võ Mạnh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là **2.640.000 đồng** để sung quỹ Nhà nước.

2.2 Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 1.762.000 đồng (bằng chữ: Một triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng chẵn) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/ 0001799 ngày 18/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Nguyễn Thanh Hoa**